

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Việc tuyển chọn, sử dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại Nghị định này, được thực hiện theo các quy định khác của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ Luật Lao động, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 76/2001/
NĐ-CP ngày 22/10/2001 về hoạt động
sản xuất và kinh doanh thuốc lá.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá giai đoạn 2000 - 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng.

1. Nghị định này quy định về hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia vào hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 2. Những nguyên tắc quản lý hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

1. Sản phẩm thuốc lá là mặt hàng không khuyến khích tiêu dùng trong nước. Nhà nước thống nhất quản lý đối với ngành thuốc lá và thực hiện độc quyền về sản xuất thuốc lá điếu; Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam giữ vai trò nòng cốt, thực hiện chủ trương này. Chỉ những doanh nghiệp nhà nước, các liên doanh với nước ngoài đã được cấp phép có đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này mới được sản xuất sản phẩm thuốc lá.

2. Nhà nước thực hiện kiểm soát, tiêu thụ thuốc lá trên thị trường, kể cả trong bán buôn, bán lẻ các sản phẩm thuốc lá.

3. Hoạt động kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá, sản xuất sản phẩm thuốc lá, bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá* là hoạt động sản xuất và bán sản phẩm thuốc lá đến người tiêu dùng, bao gồm các hoạt động về quy hoạch; đầu tư phát triển sản xuất; trồng và chế biến nguyên liệu; sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc lá; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên phụ liệu và sản phẩm thuốc lá.

2. *Thuốc lá lá* là lá của cây thuốc lá có tên khoa học là *Nicotiana tabacum L*, bao gồm lá thuốc sấy và lá thuốc phơi.

3. *Nguyên liệu thuốc lá* là thuốc lá lá dưới dạng lá rời, lá đã sơ chế tách cọng hoặc thuốc lá sợi và các chế phẩm thay thế khác dùng để sản xuất ra các sản phẩm thuốc lá.

4. *Sản phẩm thuốc lá* là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hay một phần nguyên liệu thuốc lá và được chế biến dưới dạng thuốc điếu, thuốc xì gà, thuốc lá sợi dùng để hút tẩu và các dạng sản phẩm khác dùng để hút, nhai, ngửi.

5. *Phụ liệu thuốc lá* là tất cả các loại vật tư khác ngoài nguyên liệu thuốc lá được sử dụng để sản xuất các sản phẩm thuốc lá.

Chương II

TRỒNG, CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Điều 4. Đầu tư trồng thuốc lá và chế biến nguyên liệu thuốc lá.

1. Việc đầu tư phát triển vùng trồng nguyên liệu thuốc lá ở từng địa phương phải thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện về khí hậu, đất đai, nguồn lực của từng địa phương.

2. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá chất lượng cao, đạt phẩm cấp quốc tế, đầu tư tăng năng lực chế biến nguyên liệu để nâng cao chất

lượng sản phẩm thuốc lá, thay thế nhập khẩu và đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Điều 5. Kế hoạch trồng thuốc lá hàng năm.

1. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá và tổ chức thực hiện.

2. Hàng năm, căn cứ nhu cầu sản xuất và xuất khẩu của toàn ngành thuốc lá, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam trao đổi với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vùng trồng cây thuốc lá, xây dựng và thông báo kế hoạch trồng cây thuốc lá làm cơ sở cho đầu tư trồng và mua thuốc lá lá của các thương nhân và người trồng cây thuốc lá.

3. Những doanh nghiệp chế biến, kinh doanh, xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá phải ký hợp đồng trực tiếp và hỗ trợ nông dân hoặc hợp tác xã trồng cây thuốc lá theo quy hoạch và kế hoạch.

Điều 6. Sử dụng giống thuốc lá.

1. Giống cây thuốc lá đưa vào trồng phải phù hợp với khí hậu, đất đai của từng địa phương, có năng suất cao và chất lượng tốt.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ để tạo nguồn giống cây thuốc lá có chất lượng cao, giảm được hàm lượng nicôtin và nhựa thuốc lá (Tar). Việc sử dụng giống cây thuốc lá phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý giống.

Điều 7. Tiêu chuẩn phân cấp và giá mua thuốc lá lá.

Việc mua bán thuốc lá lá giữa người trồng cây thuốc lá và thương nhân kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá phải tuân thủ các quy định tiêu chuẩn phân cấp và giá mua như sau:

1. Tiêu chuẩn phân cấp thuốc lá lá là tiêu chuẩn do Bộ Công nghiệp phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

2. Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam thống nhất với Ban Vật giá Chính phủ thông báo giá mua thuốc lá tối thiểu (giá sàn) cho người trồng thuốc lá ngay từ đầu vụ để bảo đảm lợi ích của người trồng cây thuốc lá.

Điều 8. Điều kiện kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá.

1. Kinh doanh nguyên liệu thuốc lá là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Thương nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định dưới đây và cam kết thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh:

a) Thương nhân là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá;

b) Có cơ sở vật chất kỹ thuật và trang, thiết bị theo đúng tiêu chuẩn phù hợp với ngành, nghề kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá;

c) Đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng chống cháy.

2. Bộ Công nghiệp hướng dẫn cụ thể điều kiện kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thương nhân kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được quyền lựa chọn vùng đầu tư và người trồng thuốc lá theo kế hoạch.

2. Ký hợp đồng đầu tư trồng và mua nguyên liệu thuốc lá với người trồng cây thuốc lá; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các điều khoản cam kết về trách nhiệm của người trồng cây thuốc lá ghi trong hợp đồng.

3. Không được mua nguyên liệu thuốc lá trên diện tích của những thương nhân khác đã đầu tư

trồng và ký hợp đồng mua, nếu không có sự thỏa thuận.

Điều 10. Quỹ Đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá.

1. Các doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá được trích trong giá mua nguyên liệu thuốc lá để lập Quỹ Đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá nhằm mục đích phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá.

2. Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Công nghiệp ban hành Quy chế Trích lập và sử dụng Quỹ này.

Chương III

SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ VÀ PHỤ LIỆU THUỐC LÁ

Điều 11. Điều kiện sản xuất sản phẩm thuốc lá.

1. Sản xuất sản phẩm thuốc lá là ngành, nghề sản xuất phải có giấy phép do Bộ Công nghiệp cấp. Doanh nghiệp chỉ được quyền kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá.

2. Điều kiện để cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá:

a) Là doanh nghiệp nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật trước thời điểm ban hành Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá trong giai đoạn 2000 - 2010;

b) Có đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và sử dụng nguyên liệu thuốc lá sản xuất trong nước theo tỷ lệ do Bộ Công nghiệp quy định;

c) Sản lượng các sản phẩm thuốc lá do doanh nghiệp sản xuất được quy đổi ra thuốc lá điều (loại 20 điếu/bao) phải đạt từ 50 triệu bao/năm trở lên;

d) Có thiết bị đồng bộ, đảm bảo các điều kiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường;

đ) Đảm bảo yêu cầu vệ sinh sản phẩm thuốc lá theo quy định của Bộ Y tế, đảm bảo chất lượng sản phẩm thuốc lá theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam và có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ cho sản phẩm thuốc lá tại Việt Nam.

3. Bộ Công nghiệp hướng dẫn cụ thể các điều kiện, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá và tổ chức sắp xếp đối với các doanh nghiệp đang sản xuất sản phẩm thuốc lá theo các nguyên tắc quy định ở Điều 2 và Điều 11 Nghị định này.

4. Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép vẫn được sản xuất thuốc lá trong phạm vi giấy phép đầu tư, nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Nghị định này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được bán buôn các sản phẩm thuốc lá cho các thương nhân có Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo quy định của Nghị định này và được tổ chức các cửa hàng giới thiệu và bán lẻ sản phẩm thuốc lá đến người tiêu dùng.

2. Phải công bố và bảo đảm sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam và tiêu chuẩn vệ sinh sản phẩm thuốc lá theo quy định của Bộ Y tế.

3. Được phép thực hiện các hình thức giới thiệu về doanh nghiệp:

a) Đăng, phát giới thiệu sản phẩm thuốc lá, sợi thành phẩm do doanh nghiệp sản xuất trên báo chí đối ngoại bằng tiếng nước ngoài;

b) Hàng năm, trong các dịp lễ Tết, ngày truyền thống của doanh nghiệp, doanh nghiệp được phép đăng, phát một lần trên các phương tiện truyền thông lời chúc mừng, giới thiệu tên, địa chỉ, biểu tượng của doanh nghiệp.

Điều 13. Ghi nhãn bao bì sản phẩm thuốc lá.

1. Việc ghi nhãn bao bì sản phẩm thuốc lá phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nội dung lời cảnh báo về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người phải in bằng tiếng Việt Nam trên bao bì thuốc lá theo quy định của Bộ Y tế, trừ trường hợp xuất khẩu phải thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Điều 14. Dán tem sản phẩm thuốc lá.

1. Sản phẩm thuốc lá sản xuất để bán trong nước phải dán tem trên bao gói theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sản phẩm thuốc lá sản xuất để xuất khẩu, chào hàng, triển lãm ở nước ngoài không phải dán tem theo quy định của Việt Nam, trừ trường hợp phải dán tem theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Điều 15. Đầu tư sản xuất sản phẩm thuốc lá.

Đầu tư sản xuất các sản phẩm thuốc lá phải căn cứ vào quy hoạch phát triển ngành thuốc lá trong từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đảm bảo nguyên tắc:

1. Không đầu tư xây dựng mới, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất sản phẩm thuốc lá vượt quá tổng năng lực sản xuất tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 12/2000/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá trong giai đoạn 2000 - 2010, trừ trường hợp sản xuất để xuất khẩu.

2. Được phép đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc di chuyển địa điểm sản xuất theo quy hoạch để

nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm nồng độ các chất độc ảnh hưởng đến sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân không có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá không được sử dụng máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm thuốc lá dưới mọi hình thức. Nhà nước có chính sách hỗ trợ Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam mua lại các máy móc thiết bị sản xuất thuốc lá có nguồn gốc hợp pháp của tổ chức, cá nhân không có chức năng sản xuất sản phẩm thuốc lá và của các địa phương, các liên doanh trong quá trình sắp xếp ngành thuốc lá.

4. Ngừng lập các dự án mới về hợp tác sản xuất, gia công hoặc liên doanh với nước ngoài sản xuất sản phẩm thuốc lá, trừ trường hợp sản xuất để xuất khẩu do Bộ Công nghiệp đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ cho phép, với điều kiện phần vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam chiếm tỷ lệ từ 51% trở lên trong các liên doanh sản xuất sản phẩm thuốc lá.

Điều 16. Quản lý in bao bì và sản xuất phụ liệu thuốc lá.

1. Chỉ các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất sản phẩm thuốc lá mới được phép in bao bì và sản xuất phụ liệu thuốc lá hoặc hợp đồng với cơ sở in bao bì, sản xuất phụ liệu thuốc lá để in ấn bao bì và sản xuất phụ liệu thuốc lá.

2. Các cơ sở in bao bì, sản xuất phụ liệu thuốc lá phải chấp hành quy định về tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Điều 17. Điều kiện kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá.

1. Kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Điều kiện để cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá:

a) Thương nhân là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh sản phẩm thuốc lá;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

c) Đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng chống cháy.

3. Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể các điều kiện, thủ tục, trình tự và thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thương nhân kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được mua sản phẩm thuốc lá có nguồn gốc hợp pháp để tổ chức lưu thông, tiêu thụ trên thị trường theo đúng nội dung Giấy phép kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá được cấp.

2. Được tổ chức các cửa hàng bán lẻ cho người tiêu dùng trên địa bàn kinh doanh của thương nhân đó.

3. Chỉ được bán buôn sản phẩm thuốc lá cho các đối tượng có Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

4. Phải có hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm thuốc lá một cách ổn định trên thị trường.

5. Thường xuyên đảm bảo các điều kiện kinh doanh sản phẩm thuốc lá trong quá trình hoạt động.

Điều 19. Bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

Thương nhân bán lẻ hoặc đại lý bán lẻ sản phẩm thuốc lá phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh bán lẻ hoặc đại lý bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 20. Các hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá bị nghiêm cấm.

Nhà nước nghiêm cấm các hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá sau:

1. Nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm thuốc lá sản xuất ở nước ngoài trên thị trường Việt Nam.

2. Bán sản phẩm thuốc lá nhập lậu, sản phẩm thuốc lá giả, sản phẩm thuốc lá kém phẩm chất hoặc đã hết thời hạn sử dụng, các sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu hàng hóa không được bảo hộ tại Việt Nam, không đảm bảo chất lượng theo Tiêu chuẩn Việt Nam, không ghi nhãn bao bì, không dán tem theo quy định của pháp luật.

3. Bán thuốc lá cho người dưới 18 tuổi.

4. Bán các sản phẩm thuốc lá tại các trường phổ thông, bệnh viện, rạp chiếu phim, rạp hát, nhà biểu diễn văn hóa, nghệ thuật.

5. Tổ chức các hoạt động tiếp thị, kể cả việc sử dụng hệ thống nhân viên tiếp thị chào hàng, in nhãn hiệu và biểu tượng các sản phẩm thuốc lá trên trang báo và trên các phương tiện vận chuyển trái với các quy định về quảng cáo thương mại.

6. Tài trợ để tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao có gắn với quảng cáo thuốc lá.

Điều 21. Chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh sản phẩm thuốc lá tại Việt Nam.

Chi nhánh của các doanh nghiệp thuốc lá nước ngoài có Giấy phép hoạt động tại Việt Nam chỉ được kinh doanh sản phẩm thuốc lá trong phạm vi Giấy phép thành lập chi nhánh quy định, có trách nhiệm tiêu thụ toàn bộ sản phẩm thuốc lá

mang nhãn hiệu của nước ngoài được sản xuất tại Việt Nam đã ghi trong Giấy phép; tổ chức hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm thuốc lá ổn định trên thị trường và chỉ được bán thuốc lá cho các thương nhân có Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo quy định của Nghị định này.

Điều 22. Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá.

1. Máy móc, thiết bị sản xuất thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu là hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Công nghiệp quản lý. Chỉ những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá mới được nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất.

2. Điều kiện nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá gồm:

a) Là doanh nghiệp có đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

b) Nguyên liệu, giấy cuốn điếu thuốc lá và máy móc thiết bị nhập khẩu phải phù hợp với năng lực sản xuất và kế hoạch sản xuất, tiêu thụ thuốc lá hàng năm của doanh nghiệp;

c) Được sự đồng ý của Bộ Công nghiệp.

3. Bộ Công nghiệp hướng dẫn điều kiện nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá.

4. Bộ Tài chính quy định thuế suất thuế nhập khẩu và quy định giá tối thiểu để tính thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu thuốc lá.

Điều 23. Nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để sử dụng cá nhân.

1. Cá nhân nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam mang theo thuốc lá không vượt quá mức tiêu chuẩn hành lý cho phép do Nhà nước Việt Nam quy định.

2. Các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế tại Việt Nam nếu có nhu cầu được phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để sử dụng phải theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 24. Xuất khẩu nguyên liệu, phụ liệu thuốc lá và sản phẩm thuốc lá.

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu nguyên liệu, phụ liệu thuốc lá và sản phẩm thuốc lá được sản xuất tại Việt Nam.

2. Nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc dùng để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC LÁ

Điều 25. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá bao gồm:

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển ngành thuốc lá phù hợp với mục tiêu và định hướng kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn của đất nước.

2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

3. Thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển vùng nguyên liệu theo phân cấp quản lý.

4. Cấp, điều chỉnh và thu hồi các loại giấy phép về sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

5. Tổ chức thực hiện và quản lý đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho tổ chức, cá

nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

6. Kiểm tra, thanh tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Hợp tác quốc tế và quản lý xuất nhập khẩu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc lá.

Điều 26. Cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

1. Chính phủ thống nhất quản lý về hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Công nghiệp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc lá theo các nội dung sau:

a) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc lá;

b) Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành thuốc lá Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng đề án tổ chức sắp xếp ngành thuốc lá trên phạm vi cả nước theo hướng tập trung đầu mối để thực hiện chủ trương Nhà nước độc quyền; đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý những doanh nghiệp không đảm bảo đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của Nghị định này;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá; quy định tiêu chuẩn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, nguyên phụ liệu thuốc lá nhập khẩu;

đ) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành thuốc lá trong đầu tư xây dựng

theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản;

e) Ban hành và kiểm tra các tiêu chuẩn ngành thuốc lá;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

h) Quản lý việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, chế biến nguyên liệu và phụ liệu thuốc lá theo đúng các quy định của pháp luật;

i) Tổ chức quản lý năng lực máy móc thiết bị sản xuất thuốc lá, chất lượng sản phẩm thuốc lá và vệ sinh an toàn công nghiệp;

k) Phối hợp các Bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá, cơ chế mua thuốc lá lá hợp lý nhằm phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá.

3. Bộ Thương mại là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm thuốc lá theo các nội dung sau:

a) Soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật về kinh doanh các sản phẩm thuốc lá;

b) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá;

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức tịch thu, tiêu hủy cho tái chế hoặc bán để sung công quỹ đối với sản phẩm thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả, kém phẩm chất, hết thời hạn sử dụng hoặc các sản phẩm thuốc lá mang nhãn hiệu hàng hóa không được bảo hộ tại Việt Nam, không ghi nhãn bao bì, không dán tem theo quy định;

d) Phối hợp với Bộ Công nghiệp quản lý việc

nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá và nguyên phụ liệu thuốc lá;

đ) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan sắp xếp tổ chức quy hoạch lại mạng lưới đại lý, bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi quyền hạn của mình và theo sự phân công của Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc lá.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành thuốc lá trên địa bàn lãnh thổ. Chịu trách nhiệm quản lý và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương;

b) Tham gia xây dựng quy hoạch tổng thể ngành thuốc lá; phối hợp Bộ Công nghiệp thực hiện chủ trương sắp xếp các doanh nghiệp thuốc lá trên địa bàn do tỉnh, thành phố quản lý;

c) Kiểm tra việc tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá trên địa bàn; không để xảy ra tình trạng ép cấp, ép giá gây thiệt hại cho người trồng cây thuốc lá;

d) Kiểm tra việc lưu thông, tiêu thụ sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

đ) Giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch, các quy định về lao động, môi sinh, môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng.

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong sản xuất và kinh doanh thuốc lá được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với những quy định của Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

*Chương VII***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 29.** Hiệu lực thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký; bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

2. Những thương nhân kinh doanh mua bán nguyên liệu thuốc lá, kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá đã đăng ký hoạt động kinh doanh trước ngày ban hành Nghị định này vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các điều kiện theo quy định của Nghị định này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Điều 30. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành.

1. Bộ Công nghiệp phối hợp các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 77/2001/ND-CP ngày 22/10/2001 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Để tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tiến tới xóa bỏ tình trạng hôn nhân không đăng ký, khuyến khích xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

1. Nghị định này quy định chi tiết về đăng ký kết hôn đối với:

a) Các trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật, mà chưa đăng ký kết hôn;

b) Các trường hợp nam và nữ chung sống với